

HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA CAMPUCHIA TRONG THẬP KỶ 2001 - 2010

NGUYỄN VĂN HÀ*

Sau gần một thập kỷ ổn định tình hình chính trị trong nước và phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh, Campuchia bước vào thời kỳ phát triển mới với mục tiêu đổi mới thể chế kinh tế theo hướng phát triển nền kinh tế thị trường, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống và giảm đói nghèo cho cư dân. Trong chính sách kinh tế đối ngoại, Campuchia thực hiện chính sách đa dạng hoá và hội nhập kinh tế thông qua các thể chế hợp tác từ song phương đến khu vực và đa phương nhằm thu hút đầu tư và mở rộng quan hệ thương mại với các nước trong khu vực và thế giới. Nhờ chính sách phát triển kinh tế đúng hướng, bước đầu, Campuchia đã đạt được những thành công nhất định trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm đói nghèo. Bài viết dưới đây sẽ đánh giá những nội dung cơ bản trong chính sách kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế thông qua các thể chế ASEAN, ASEAN+1, song phương và đa phương của Campuchia trong thập kỷ qua, chỉ rõ những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập của nước này.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ CAMPUCHIA TRONG NHỮNG NĂM THẬP KỶ 1990

Trước năm 2000, nền kinh tế Campuchia vẫn phải đương đầu với hàng loạt những khó khăn và thách thức. Trong những năm cuối của thập kỷ 1990, tăng trưởng kinh tế của Campuchia khá cao nhưng lại thất thường: năm 1994, tăng trưởng GDP chỉ đạt 4,0% nhưng hai năm 1995-1996 lại có mức tăng khá cao, với 7,6% và 7% trong mỗi năm. Sau khi tốc độ tăng trưởng đạt mức thấp, chỉ còn 1% (năm khủng hoảng) năm 1997, kinh tế Campuchia đã hồi phục và đạt mức tăng khá cao, 10,8% năm 1999 nhưng lại chỉ đạt mức trung bình những năm sau đó. Mức tăng trưởng cao của nền kinh tế Campuchia cho thấy nước này có nhiều yếu tố thuận lợi như tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác, nguồn nhân lực dồi dào và đặc biệt là việc thực thi các chính sách kinh tế tự do trong quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, kinh tế Campuchia cũng bộc lộ tính thiếu ổn định không chỉ bởi ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế mà còn là những bất ổn về chính trị cũng như việc thực thi các chính sách trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế kinh tế cũ sang thể chế kinh tế thị trường. Cùng với việc đạt được mức tăng trưởng

* Ths Nguyễn Văn Hà, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

khá cao, cơ cấu kinh tế của Campuchia cũng có sự chuyển dịch khá mạnh mẽ với việc giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp và tăng tỉ trọng ngành công nghiệp. Đối với thương mại, Campuchia cũng đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao. Trong những năm trước khủng hoảng (1993-1997), xuất khẩu đạt mức tăng trưởng trung bình là 40% và nhập khẩu đạt mức tăng 28% mỗi năm⁽¹⁾. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực, mức tăng trưởng thương mại của Campuchia có phần suy giảm, cụ thể năm 2001, tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu chỉ ở mức 9,33% và nhập khẩu là 6,93%⁽²⁾. Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Campuchia là hàng may mặc, các sản phẩm cao su, gạo, thủy sản...

Cùng với những khó khăn trong chuyển đổi cơ chế, Campuchia còn phải đương đầu với những khó khăn về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông, năng lượng và thông tin viễn thông. Trong lĩnh vực xã hội, tình trạng lạc hậu của đất nước thể hiện ở tỉ lệ nghèo đói cao, chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực còn thấp. Trong nền kinh tế, 80% lực lượng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và khu vực nông thôn với mức thu nhập rất thấp và tình trạng thiếu ruộng đất trở thành một vấn đề tồn tại lớn.

Trong khi đó, cùng với việc hồi phục và phát triển kinh tế, chính phủ Campuchia nhiệm kỳ I và II đã bước đầu thi hành các chính sách cải cách và mở cửa thông qua việc ban hành các đạo luật về khuyến khích đầu tư, về quyền sở hữu tư nhân... và tham gia hội nhập khu vực ASEAN.

II. CHÍNH SÁCH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA CAMPUCHIA VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

2.1. Chính sách hội nhập kinh tế quốc tế

Sau khi là thành viên chính thức của ASEAN năm 1999, Campuchia tiếp tục theo đuổi chính sách hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Theo chính phủ Hoàng gia Campuchia (RGC), thúc đẩy hội nhập kinh tế là nhằm thực hiện cả mục tiêu chính trị và kinh tế. Về chính trị, tham gia hội nhập khu vực sẽ góp phần thay đổi hình ảnh của một đất nước chỉ biết đến chiến tranh và diệt chủng, từ bỏ chính sách đóng cửa, phá vỡ thế bị cô lập. Về mặt kinh tế, với mục tiêu tranh thủ nguồn vốn viện trợ và đầu tư từ các nước phát triển nhằm thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm và cải thiện đời sống cho người dân, Campuchia chủ trương đa dạng hoá hoạt động kinh tế đối ngoại, tranh thủ tham gia các diễn đàn hợp tác khu vực từ song phương tới đa phương. Tương tự, hợp tác trong khu vực ASEAN cũng mang lại những lợi ích kinh tế và chính trị to lớn cho Campuchia. Việc tham gia ASEAN sẽ giúp Campuchia đạt được mục tiêu chiến lược, đó là sự đảm bảo về an ninh trước các quốc gia láng giềng ở cả phía Đông và Tây. Trong thời kỳ trước, việc thực thi chính sách cân bằng quyền lực tỏ ra không có hiệu quả. Trên phương diện ngoại giao, ASEAN được xem là công cụ thực thi chính sách đối ngoại của các nước thành viên. Chính vì vậy, đối với Campuchia, ASEAN chính là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của họ. Về kinh tế, những lợi ích thu được có thể được nhìn nhận đó là: hội nhập ASEAN giúp nâng cao và củng cố lòng tin của các nhà đầu tư ở Campuchia; tạo ra một sự liên kết giữa các nền kinh tế và là một đoàn tàu lôi kéo các nền kinh tế chậm phát triển; ASEAN là cánh cửa quan trọng để Campuchia có

thể bước ra nền kinh tế toàn cầu và thúc đẩy những cải cách kinh tế ở trong nước.

Cùng với việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế khu vực, Campuchia cũng có những bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Việc Campuchia gia nhập WTO năm 2004 được xem là một quyết định có tính táo bạo bởi nền kinh tế nước này còn đang trong quá trình chuyển đổi, thể chế kinh tế thị trường vẫn còn chưa được xác lập thực sự, khu vực tư nhân trong nước yếu kém, những kỹ năng về thương mại quốc tế còn non kém... Tuy nhiên, có thể thấy những lý do về chính trị và kinh tế đằng sau quyết định quan trọng này. Về chính trị, sau cuộc tổng tuyển cử năm 1998, RGC vẫn tiếp tục duy trì liên minh giữa hai đảng chủ yếu là Đảng FUNCINPEC và Đảng Nhân dân Campuchia (CPP). Tuy nhiên, những mâu thuẫn và tranh giành ảnh hưởng giữa các đảng vẫn diễn ra hết sức gay gắt cùng với sự nổi lên của nhân tố mới, Đảng Sam Reinsy (SRP). Trong bối cảnh như vậy, việc thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập dường như là một giải pháp làm hài lòng tất cả các đảng phái, tạo ra một sự đồng thuận về chính trị, tạm gác những mâu thuẫn. Hơn nữa, việc hội nhập nhanh vào nền kinh tế toàn cầu cũng góp phần nâng cao vị thế của Campuchia, góp phần củng cố quyền lực của đảng cầm quyền. Về mặt kinh tế, gia nhập WTO giúp cho Campuchia có thể tận dụng những ưu thế của một nền kinh tế hội nhập trên các khía cạnh thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, thúc đẩy thương mại phát triển.

Bên cạnh đó, Campuchia còn thực thi chính sách hội nhập thông qua các chương trình hợp tác trong ASEAN+1 và ASEAN+3, bao gồm cả việc tham gia các

hiệp định thương mại và đầu tư, phát triển các quan hệ song phương với các nước trong khu vực, với các đối tác ở Đông Bắc Á, Mỹ, EU cũng như các nước láng giềng như Thái Lan, Việt Nam...

Cùng với việc đẩy nhanh quá trình hội nhập, Campuchia còn chủ trương thực hiện những cải cách và thực thi các chính sách kinh tế phù hợp như cải cách và sửa đổi luật về đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thông thoáng về mặt pháp lý cho các nhà đầu tư, đồng thời, thực thi chính sách tự do hoá thương mại. Campuchia đã thực hiện những cải cách, điều chỉnh lại những nguyên tắc, chế độ và qui định trong lĩnh vực thương mại, hải quan và hàng loạt những lĩnh vực liên quan đến quá trình hội nhập. Chính vì vậy, chính sách và chế độ thương mại của nước này được cải thiện theo thời gian. Đáng chú ý là những cải cách về chế độ thuế quan. Mức thuế quan cao nhất giảm đáng kể, cơ cấu thuế quan cũng được đơn giản hoá, danh mục các mức thuế giảm từ 12 xuống còn 4 trong khi cơ sở thuế được mở rộng. Trong những năm gần đây, chế độ quản lý hải quan được cải thiện. Tuy nhiên, việc thiết lập hệ thống thúc đẩy thương mại với chi phí thấp vẫn phải đương đầu với hàng loạt khó khăn vì nhiều lý do như đường biên giới trải dài gây khó khăn cho việc kiểm soát, sự phức tạp do sự đan xen của nhiều nguyên tắc, hiệp định và khuôn khổ thể chế. Đối với hàng rào phi thuế quan, Campuchia về cơ bản đã loại bỏ các qui định về hạn ngạch và những hạn chế về số lượng. Tương tự như vậy, chính sách thương mại được đảm bảo tự do cho mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc kinh doanh xuất nhập khẩu. Trong những năm gần đây, để tuân thủ những nguyên tắc của WTO, Campuchia tiếp tục

dẩy mạnh quá trình tự do hoá: giá cả hàng hoá trong nước bao gồm cả tỉ giá, lãi suất hoàn toàn do thị trường quyết định và gắn liền với thị trường quốc tế. Việc tự do hoá đối với đầu tư nước ngoài cũng được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực và các ngành, kể cả khu vực sản xuất năng lượng, hạ tầng thông tin, dịch vụ thương mại, du lịch, hàng không, ngân hàng và đang hướng đến cả các lĩnh vực khác của cơ sở hạ tầng kinh tế như giao thông, thuỷ lợi, hải cảng, sân bay

Hướng đến một quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng hơn trong các tổ chức khu vực và thế giới, sau khi gia nhập WTO, RGC cũng đã tiến hành triển khai nhiều chương trình hoạt động, hưởng ứng các sáng kiến trợ giúp của các nước phát triển nhằm tăng cường vai trò của thương mại quốc tế của các nước đang phát triển. Năm 2007, Bộ Thương mại Campuchia đã đề ra Chiến lược Hội nhập Thương mại. Trong bối cảnh nền kinh tế Campuchia phụ thuộc phần nhiều vào ngành may mặc xuất khẩu và du lịch, chiến lược đã chú trọng đến sự đa dạng hoá xuất khẩu, với việc đưa ra 19 sản phẩm và dịch vụ mà Campuchia có tiềm năng phát triển. Những sản phẩm và dịch vụ này bao gồm cả những ngành hiện đang phát triển như may mặc, du lịch, giày dép... và những ngành có nhiều tiềm năng tăng trưởng như các sản phẩm chăn nuôi, các sản phẩm gỗ, sản xuất hàng chế tạo và một số ngành dịch vụ khác.

2.2. Quá trình hội nhập kinh tế của Campuchia

Trong lĩnh vực kinh tế, Campuchia đã thực hiện các nghĩa vụ của một nước thành viên của tổ chức: tham gia thực hiện các Hiệp định kinh tế của ASEAN như Hiệp định Thuế quan Ưu đãi có Hiệu

lực Chung (CEPT), tạo cơ sở cho việc hình thành Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), các hiệp định trong lĩnh vực đầu tư và tự do hoá ngành dịch vụ.

Trong việc triển khai thực hiện CEPT (AFTA), các nước thành viên ASEAN đã đưa ra lịch trình cắt giảm thuế quan cho các nước thành viên cũ (ASEAN6) đó là: năm 2002, 100% sản phẩm hàng hoá và dịch vụ được đưa vào danh sách cắt giảm; năm 2003, đưa 60% sản phẩm trong danh sách cắt giảm xuống mức thuế quan là 0% và năm 2010 thì cắt giảm toàn bộ các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, thực hiện tự do hoá hoàn toàn. Đối với các nước thành viên mới (CLMV), tiến trình cắt giảm thuế quan được kéo dài hơn. Theo đó, năm 2009, Campuchia phải đưa 100% sản phẩm hàng hoá và dịch vụ vào danh sách cắt giảm. Năm 2010, Campuchia phải đưa 60% sản phẩm trong danh sách cắt giảm xuống mức thuế 0-5% và sẽ loại bỏ hoàn toàn thuế quan vào năm 2015. Theo bản Hiệp định về thương mại hàng hoá của ASEAN mới được các nước ký kết ngày 26/2/2009 thì thuế quan nhập khẩu của các nước ASEAN 6 sẽ bãi bỏ vào năm 2010 và tới ngày 1/1/2009 phải có ít nhất 80% sản phẩm có thuế suất là 0% và các nước thành viên mới sẽ được kéo dài tới năm 2015. Đối với Campuchia, thuế quan của 80% tổng các dòng thuế sẽ có mức thuế không quá 5% vào ngày 1/1/2009. Trong đó, thuế quan của một số sản phẩm của CLMV không vượt quá 7% tổng các dòng thuế sẽ được bãi bỏ vào năm 2018. Bên cạnh đó, thuế quan của các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến sẽ phải giảm hay bãi bỏ còn từ 0-5% vào năm 2010 đối với ASEAN 6, 2013 đối với Việt Nam, 2015 đối với Lào và Mianma và 2017 đối với Campuchia...

Tính đến cuộc họp thứ 21 của Hội đồng AFTA, thì việc hiện thực hoá quá trình thực hiện tự do hoá thương mại đã gần như hoàn thành. 98,58% các sản phẩm của ASEAN đã được đưa vào danh sách cắt giảm (IL) với thuế quan của 93,67% sản phẩm có mức 0-5%. Các nước CLMV cũng đóng góp vào thành công này với 97,32% sản phẩm được đưa vào danh sách IL và thuế quan của 86,21% các mặt hàng chỉ còn mức 0-5%. Riêng đối với Campuchia, nước này cũng đã đưa danh sách loại trừ tạm thời sang danh sách cắt giảm ngày 14/8/2007. Như vậy Campuchia chỉ còn 0,51% sản phẩm nằm trong danh sách nhạy cảm, Lào còn 1,90% và Mianma là 0,25%. Năm 2009, tỉ lệ phần trăm các sản phẩm được đưa vào danh sách IL của CEPT đối với cả ASEAN 6 và CLMV đã được thu hẹp với mức 99,4% và 98,6% cho mỗi nhóm nước và tính chung cho cả hai nhóm nước là 99,1%⁽³⁾.

Cùng với việc cắt giảm thuế quan, Campuchia và các nước ASEAN khác cũng đạt được những tiến bộ trong việc loại bỏ các hàng rào phi thuế quan và những hạn chế về số lượng. Trong khi đó, việc tự do hoá trong Khung khổ Hiệp định ASEAN về lĩnh vực Dịch vụ (AFAS) cũng có nhiều tiến triển tích cực. Hiện tại, các bước đang được tiến hành để đạt được tự do hoá khu vực dịch vụ vào năm 2015. ASEAN đã thông qua 5 gói cam kết AFAS thông qua 4 vòng đàm phán. Gói cam kết thứ 5 đã được ký kết vào tháng 12/2006 và gần đây nhất là gói cam kết thứ 7 được ký vào tháng 2/2009. Các cam kết về tự do hoá thương mại trong lĩnh vực dịch vụ ưu tiên bao gồm hàng không, dịch vụ kinh doanh, xây dựng, dịch vụ tài chính, hàng hải, viễn thông và du lịch. Trong lĩnh vực đầu tư, các nước ASEAN cũng đã đạt được

những tiến bộ với việc ký kết Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA) tháng 2/2009, có hiệu lực từ cuối năm 2009. Hiệp định bao gồm những vấn đề về tự do hoá, bảo hộ, xúc tiến đầu tư với những điều khoản thay thế cho Hiệp định Đầu tư ASEAN (AIA) và Hiệp định Đảm bảo Đầu tư (IGA).

Ngoài việc tham gia quá trình hội nhập trong ASEAN, là thành viên của tổ chức khu vực, Campuchia cũng đã tích cực tham gia quá trình hội nhập của ASEAN trong các tiến trình ASEAN+1 như Khu vực Thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) (bao gồm Hiệp định về Thương mại Hàng hoá và Cơ chế Giải quyết Tranh chấp, có hiệu lực từ 7/2005, Hiệp định về Thương mại trong lĩnh vực dịch vụ được ký kết tháng 1/2007, Hiệp định về Đầu tư được ký vào tháng 8/2009); hiệp định về Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) (tháng 4/2008); Hiệp định về Thương mại Hàng hoá và Thương mại Dịch vụ giữa ASEAN và Hàn Quốc, được ký kết vào tháng 8/2006 và tháng 11/2007. Bên cạnh đó là các Hiệp định hợp tác với Ấn Độ, Ôxtrâyliya và Niudilân. Tuy nhiên, sự tham gia của Campuchia với các đối tác ASEAN+ còn chưa rõ ràng mà chủ yếu thông qua các quan hệ hợp tác song phương.

Cùng với việc tham gia các thể chế hội nhập thông qua ASEAN, Campuchia cũng tích cực tham gia các sáng kiến hợp tác giữa các nước trong tiểu vùng sông Mê Công Mở rộng (GMS) bao gồm các nước Campuchia, Thái Lan, Lào, Mianma, Trung Quốc nhằm thúc đẩy các quan hệ thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế. Campuchia cũng là thành viên tham gia Chiến lược Hợp tác Kinh tế Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong (ACMECS) bao

gồm các nước Campuchia, Thái Lan, Lào, Mianma, Việt Nam. Mục tiêu của ACMECS là nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên, thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng và bền vững trong khu vực. Những lĩnh vực hợp tác chủ yếu của ACMECS là thúc đẩy thương mại, đầu tư, phát triển mạng lưới giao thông, nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng, y tế, phát triển nguồn nhân lực. Là một trong những nước thành viên mới tham gia quá trình hội nhập, năm 1999, Campuchia cũng đã đưa ra sáng kiến hợp tác trong Tam giác Phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia tại khu vực ngã ba biên giới. Cho tới nay, cả ba bên đã trải qua 5 phiên họp và lần họp gần đây nhất được tổ chức ở Viên Chăn, Lào tháng 11/2008. Phạm vi của khu vực tam giác phát triển bao gồm 13 tỉnh, 4 tỉnh ở khu vực Đông Bắc Campuchia, 4 tỉnh ở Nam Lào và 5 tỉnh Tây Nguyên của Việt Nam.

III. THÀNH TỰU, VẤN ĐỀ VÀ TRIỂN VỌNG

Những thay đổi nhanh chóng trong các chính sách kinh tế, đặc biệt là quá trình hội nhập khu vực đã có tác động đáng kể đến những chuyển động của nền kinh tế Campuchia. Về tốc độ tăng trưởng, kinh tế Campuchia đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, với mức 8,8% năm 2000 và 8,1% năm 2001, 6,8% năm 2002 và 8,5% năm 2003. Điểm đáng lưu ý là sau khi gia nhập WTO, tốc độ tăng trưởng GDP của Campuchia đã đạt mức rất cao, trung bình 11,1% giai đoạn 2004-2007. Tuy nhiên, do tác động của khủng hoảng, tăng trưởng kinh tế của Campuchia chỉ còn đạt 6,8% năm 2008 và có thể đạt mức rất thấp trong năm 2009. Tăng trưởng cao đã làm cho thu nhập bình quân GDP đầu

người được cải thiện, với mức tăng gấp đôi, từ 300 USD đầu những năm 2000 lên 627 USD năm 2008⁽⁴⁾. Bên cạnh đó, môi trường kinh tế vĩ mô vẫn được duy trì ổn định, với dự trữ ngoại tệ tăng, tỉ giá được duy trì và lạm phát được kiểm soát. Cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng GDP và duy trì các chỉ số kinh tế vĩ mô ổn định, Cơ cấu kinh tế của Campuchia cũng trải qua những biến đổi khá mạnh mẽ, với sự gia tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP.

Trong khi đó, chính sách hội nhập kinh tế khu vực đã thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh của khu vực thương mại. Trong thời kỳ 2003-2008, tốc độ tăng trưởng trung bình của thương mại đạt 11,68%. Trong đó, tỉ lệ tăng trưởng trung bình của xuất khẩu thời kỳ này là 14,97% và của nhập khẩu là 9,02%. Tổng giá trị thương mại của Campuchia đã tăng từ 2.772,1 triệu năm 2000 lên 7.580,6 triệu USD năm 2007. Trong đó, xuất khẩu tăng nhanh từ mức 1.367,5 triệu năm 2000 lên 3.905,5 triệu USD năm 2007, nghĩa là tăng lên gần 3 lần trong vòng 7 năm. Tương tự, nhập khẩu của Campuchia cũng tăng khá nhanh, từ 1.404,6 triệu năm 2000 lên 3.675,1 triệu USD năm 2007⁽⁵⁾. Có thể nói, chính sách hội nhập kinh tế khu vực đã đưa Campuchia dần trở thành một nước có nền kinh tế mở. Về đối tác thương mại, thương mại của Campuchia với các đối tác trong khu vực ASEAN chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ, với 21,8% năm 2008, trong khi buôn bán với các đối tác bên ngoài chiếm tỉ lệ cao, với 78,2%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, chính sách cải cách và hội nhập kinh tế của chính phủ Campuchia đã góp phần cải thiện môi trường và gia tăng lượng

vốn đầu tư vào nước này. Vốn FDI đã tăng từ 148,5 triệu USD năm 2000 lên 867 triệu USD năm 2007 và 815,2 triệu USD năm 2008, tức là tăng hơn 6 lần trong vòng 9 năm⁽⁶⁾. Như vậy, năm 2008 là năm thứ hai liên tiếp FDI vào Campuchia đạt hơn 800 triệu USD mỗi năm. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực ASEAN thời kỳ 2000-2008, FDI vào Campuchia chỉ khá hơn Mianma và Lào chút ít, thấp hơn nhiều so với các nước ASEAN còn lại.

Mặc dù đã đạt được những thành công nhất định, quá trình phát triển và hội nhập của Campuchia cũng đặt ra hàng loạt những khó khăn và thách thức đó là: **Thứ nhất:** Tăng trưởng kinh tế của Campuchia thời gian qua vẫn chủ yếu dựa trên những cơ sở rất hạn hẹp: khu vực may mặc, du lịch, xây dựng, bất động sản và nông nghiệp. Do đó, chính sách hội nhập vẫn chưa được gắn kết với quá trình đa dạng hoá. **Thứ hai:** Khả năng đa dạng hoá thị trường còn yếu kém và Campuchia còn phụ thuộc chủ yếu vào thị trường xuất khẩu Mỹ, EU. Tính phụ thuộc và thiếu ổn định là điều dễ dàng nhìn thấy trong hiện trạng nền kinh tế Campuchia. **Thứ ba:** Những cải cách hội nhập kinh tế của Campuchia trong thời gian qua mới chỉ mạnh dạn về chủ trương chính sách nhưng còn thiếu sự chuẩn bị, nhất là về cải cách các thể chế chính sách, xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất và phát triển nguồn nhân lực. **Thứ tư:** Về phương diện hội nhập, ngoài việc phụ thuộc vào ngành may mặc xuất khẩu, lại chịu sức ép cạnh tranh từ Trung Quốc và Việt Nam, Campuchia cũng chưa có vị thế gì đáng kể trên thị trường xuất khẩu khu vực và thế giới. Bởi lẽ, sự định hướng của chính phủ cho việc phát triển của các doanh nghiệp

và khu vực tư nhân là chưa cao.

Trong thời gian tới, khả năng đẩy nhanh quá trình hội nhập của Campuchia vẫn được tiếp tục duy trì. Trong đó, trọng tâm trong chính sách kinh tế đối ngoại của Campuchia vẫn là các quan hệ song phương, nhất là với các nước Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật Bản, các nước thành viên ASEAN. Bên cạnh đó, quan hệ với các nước láng giềng, nhất là Việt Nam sẽ tiếp tục được tăng cường thông qua các quan hệ thương mại, đầu tư, nhất là các hoạt động kinh tế tại các khu kinh tế đặc biệt dọc biên giới hai nước, các khu vực thuộc tam giác phát triển. Quan hệ kinh tế của Campuchia với Thái Lan cũng sẽ tiếp tục được duy trì bất chấp những căng thẳng trên biên giới.

KẾT LUẬN

Campuchia đã có những bước chuyển nhanh chóng trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế trong một thập kỷ qua. Với việc gia nhập ASEAN năm 1999 và chỉ 5 năm sau, gia nhập tổ chức kinh tế lớn nhất hành tinh (WTO) cho thấy, hội nhập kinh tế đã trở thành một nét đặc trưng trong chính sách kinh tế của chính phủ Campuchia. Cũng từ đây, Campuchia trở thành một nước có mức độ mở cửa cao so với các nước mới gia nhập ASEAN với việc đứng thứ 63 trong số 161 nước về chỉ số tự do kinh tế do Tạp chí Heritage Foundation/Wall Street bình chọn năm 2005. Trong đó, các chỉ số đáng quan tâm là sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế ở mức vừa phải, chính sách tiền tệ khá linh hoạt với tỉ lệ lạm phát thấp, mức độ hạn chế khu vực tài chính và ngân hàng thấp, mức can thiệp vào nền tài chính và tiền công thấp... Như

vậy, mặc dù mới tham gia quá trình hội nhập nhưng Campuchia đã có những bước tiến đáng kể trong cải cách các thể chế chính sách, củng cố lòng tin cho các nhà đầu tư và kinh doanh. Với mục tiêu thu hút FDI và thúc đẩy tăng trưởng thương mại, phát triển sản xuất, tạo việc làm và giảm đói nghèo, Chính phủ Campuchia đã phần nào đạt được những thành công. Tuy nhiên, quá trình hội nhập nhanh cũng dẫn đến sự phụ thuộc kinh tế và tác động tiêu cực từ quá trình hội nhập mà điển hình là nền kinh tế nhanh chóng rơi vào tình trạng suy thoái (năm 2009, dự tính tăng trưởng đạt -1,5%) do phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu và du lịch. Trong tương lai, việc hội nhập của Campuchia sẽ được kết hợp giữa hợp tác khu vực và song phương, trong đó, quan hệ song phương là nhân tố chủ yếu, đóng vai trò quyết định. Từ những nhận định nêu trên cho thấy, sự thành công trong chính sách kinh tế đối ngoại của Campuchia chỉ có được khi nước này thực hiện những cải cách và điều chỉnh chính sách sâu rộng, bao gồm cả điều chỉnh cơ cấu, cải cách thể chế chính sách hội nhập, nâng cao năng lực của cả chính phủ, doanh nghiệp tư nhân trên các lĩnh vực khác nhau./

Sector Unit, East Asia and Pacific Region
5, 6. ASEAN Statistical Yearbook, 2008

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN Statistical Yearbook, 2008, www. aseansec. org
2. AEC Chartbook 2009, www. aseansec. org
3. ASEAN trade in Goods Agreement, Cham, Thailand, 26/2/2009
4. ASEAN Investment Report 2008, www. aseansec. org
5. Economic Overview, Conncil for the development of Cambodia, www.cdc.gov.kh
6. Joint Media Statement of the 41st ASEAN Economic Minister's (AEM) Meeting, Bangkok, 13-14/8/2009
7. Kao Kim Hourn, Cambodia's Foreign Policy and ASEAN, From Nonalignment to Engagement, Cambodian Institute for Cooperation and Peace, 2002
8. National Strategic Development Plan 2006-2010, Annual Progress Report for 2006, Royal Government Cambodia, 29/5/2007
9. Samdech Hunsen "Rectangle Strategy" for Growth, Employment, Equity and Efficiency- Phrase II at the First Cabinet Meeting of the Fourth Legislature of the National Assembly, Phnom Penh 26/9/2008
10. Sok Chenda Sophea, Business and Investment Opportunities in Cambodia, Nagoya, 15/11/2006
11. Sustaining Rapid Growth in a Challenging Environment, Cambodia Country Economic Memorandum, Draft 14/1/2009, Poverty Reduction and Economic Management Sector Unit, East Asia and Pacific Region
12. Thierry Noyelle, Cambodia's 2007 Trade Integration Strategy Report, Phnom Penh, 12/2007
13. Các bản tin tham khảo, Tin Kinh tế, Thông tấn xã Việt Nam, các năm 2008, 2009

CHÚ THÍCH

1. WTO/restricted WT/ACC/KHM/2, 22/6/1999, www. wto/Cambodia
2. ASEAN statistic 2003, ASEAN secretary, 2004, p.54,55
3. ASEAN tariff Database, AEC Chartbook 2009
4. Sustaining Rapid Growth In a Challenging Environment, Draft, 14/1/2009, Poverty Reduction and Economic Management